

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/DS-PT

Ngày: 22 – 01 – 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Bảo Anh

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ : Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2025/TLDS-PT ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST, ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1011/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường P, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường P, thành phố Cần Thơ). Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Lê K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường P, thành phố Cần Thơ). Có xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Lê Văn N

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị Đ trình bày: Vì có mối quan hệ quen biết nên năm 2023 bà Đ cho ông N mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 30/11/2023: ông N mượn 50.000.000^d (bằng hình thức chuyển khoản). Ông N có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đ để làm tin (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 9005, quyển số: 01 ngày 30/11/2023, tại Văn phòng C), không lãi suất. Số tiền này, bà Đ đã chuyển qua tài khoản của ông N (bà không nhớ rõ số tài khoản). Khoản tiền này, ông N đã trả xong cho bà, tổng cộng 03 lần trả, 02 lần mỗi lần số tiền 20.000.000 đồng, và 01 lần số tiền 10.000.000 đồng, thời gian trả cụ thể không nhớ rõ.

- Ngày 08/12/2023: Ông N mượn 50.000.000^d (đưa tiền mặt có làm biên nhận.)

- Ngày 22/12/2023: ông N mượn 10.000.000^d

- Ngày 29/12/2023: Ông N mượn thêm 5.000.000^d

- Ngày 23/02/2024: Ông N mượn 10.000.000^d.

Các khoản vay trên thì ông N đã trả xong khoản vay của ngày 30/11/2023; 22/12/2023; 29/12/2023; 23/02/2024; Tuy nhiên khoản vay 50.000.000^d ngày 08/12/2023 thì ông N vẫn còn nợ chưa trả. Nay, bà Đ khởi kiện yêu cầu ông N trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng còn nợ vào ngày 08/12/2023, bà không yêu cầu tính lãi phát sinh, kể cả trong giai đoạn thi hành án. Bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Lê Văn N trình bày: Ông N thừa nhận ông có mượn của bà Đ vào các ngày 22/12/2023 số tiền 10.000.000 đồng (sáng mượn chiều trả), ngày 29/12/2023 mượn thêm 5.000.000 đồng và trả vào ngày 03/01/2024, ngày 23/02/2024 mượn thêm 10.000.000 đồng và đã trả vào ngày 05/3/2024.

Đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng vào ngày 30/11/2023 (khi mượn tiền ông N có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 9005, quyển số: 01 ngày 30/11/2023, tại Văn phòng C), nhưng sau đó đến ngày

08/12/2023 thì hai bên thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng. Số tiền mượn bà Đ chuyển qua tài khoản của ông N vào ngày 30/11/2023, ông N đã trả cho bà Đ vào ngày 15/12/2023 số tiền 20.000.000 đồng và sau đó một ngày là ngày 16/12/2023 ông tiếp tục trả cho bà Đ thêm 30.000.000 đồng, hình thức trả bằng tiền mặt có bà Nguyễn Thị T chứng kiến, tuy nhiên ông không yêu cầu triệu tập bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Nay, ông N xác định là không còn thiếu nợ bà Đ. Từ đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng thời có phản tố yêu cầu bà Trần Thị Đ phải bồi thường cho ông tổng số tiền là 60.000.000 đồng (trong đó tiền ảnh hưởng thiệt hại về kinh tế của ông N là 50.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần đi lại khám chữa bệnh là 10.000.000 đồng), lý do là do bà Đ vu khống cho rằng ông còn thiếu tiền để cố tình chiếm đoạt tài sản của ông. Tại phiên tòa, ông N thay đổi yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu bà Đ bồi thường 50.000.000 đồng, số tiền thu nhập bị mất phát sinh trong thời gian bà Đ khởi kiện ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

Buộc ông Lê Văn N phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông N không phải chịu lãi suất phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn N về việc yêu cầu bà Trần Thị Đ bồi thường thiệt hại, thu nhập bị mất phát sinh do bà Đ khởi kiện số tiền là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2025 bị đơn Lê Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Lê Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để giám định dấu vân tay và chữ viết thêm “*cho mượn bằng tiền mặt*” trên biên nhận nợ ngày 08/12/2023 mà nguyên đơn cung cấp. Bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết người nhận tiền trên biên nhận là của bị đơn tự ký và viết, tuy nhiên khoản tiền vay này và khoản tiền vay ngày 30/11/2023 là 01 khoản vay chung với số tiền 50.000.000^d. Khoản tiền vay này phía ông N đã trả tiền xong nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Lê Văn N yêu cầu hoãn phiên tòa để giám định dấu vân tay và màu mực của dòng chữ “*cho mượn bằng tiền mặt*” lý do bà Đ tự lẫn tay và viết thêm vào biên nhận nợ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, ông N đều thừa nhận chữ ký và chữ viết trên biên nhận là của ông N, đây là tình tiết được đương sự thừa nhận không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, việc dấu vân tay trên biên nhận có phải là của ông N hay không cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, vì vậy yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn ông N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Đ khởi kiện bị đơn Lê Văn N để yêu cầu ông N trả số tiền đã vay 50.000.000^d. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là biên nhận nợ bản chính ngày 08/12/2023 do ông N ký và ghi họ tên vào người nhận tiền trên biên nhận. Ông N không đồng ý và cho rằng ngày 30/11/2023 ông N mượn bà Đ 50.000.000^d bằng hình thức chuyển khoản, thỏa thuận trong vòng 1 tuần sẽ trả, do không có tiền trả nên hai bên mới làm biên nhận. Do đó, khoản tiền

vay ngày 30/11/2023 và biên nhận ngày 08/12/2023 là một. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông N cho rằng chữ ký và dấu vân tay trong biên nhận là của ông nên không yêu cầu giám định, thời điểm ông viết và ký tên vào biên nhận thì biên nhận để trống “ngày ...tháng ... năm...” sau này do bà Đ tự điền ngày 08/12/2023 để hợp thức thành khoản tiền vay mới để buộc ông N trả, khi thì ông N khai rằng biên nhận đề ngày 08/12/2023 được lập ngày 30/11/2023 sau đó bị sửa thành 08/12/2024 (BL: 118-119), các lời khai của ông N bị mâu thuẫn nhau nên không có căn cứ để xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm thì ông N thừa nhận thời điểm ông ký và ghi họ tên người nhận tiền trên biên nhận thì ông có kiểm tra và bà Đ đã ghi ngày 08/12/2023 thì ông mới ký. Do đó, việc ông N cho rằng thời điểm ông ký tên thì biên nhận để trống ngày tháng năm, biên nhận bị sửa là không có căn cứ.

[2.2] Căn cứ vào biên nhận ngày 08/12/2023 (bản giấy) và thông tin chuyển khoản ngày 30/11/2023 (dữ liệu điện tử), ông N cũng thừa nhận có nhận khoản tiền 50.000.000^d do bà Đ chuyển tiền vào tài khoản của ông, như vậy không có lý do gì mà ông N lại tiếp tục ký tên vào người nhận tiền trong biên nhận ngày 08/12/2023 mà bà Đ viết khi cho rằng hai khoản tiền vay này là một là không hợp lý. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định đây là hai khoản vay khác nhau và buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo biên nhận ngày 08/12/2023 là có căn cứ.

[3] từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới có giá trị chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Văn N

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Lê Văn N phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp sang án phí theo biên lai số 0002010 lập ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 22 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy

